

Số: 542/TB-XHNV-SDH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO

V/v Đóng học phí Sau đại học

Hiện nay còn khá nhiều học viên cao học, nghiên cứu sinh (HVCH, NCS) chưa hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí với Nhà trường. Căn cứ vào danh sách HVCH, NCS (đính kèm danh sách) còn nợ học phí do Phòng Kế hoạch Tài chính lập, Trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG-HCM thông báo đến các Anh/Chị HVCH, NCS chưa hoàn thành việc đóng học phí nhanh chóng thực hiện nghĩa vụ đóng học phí cho Trường.

Thời hạn cuối cùng để đóng học phí: **25/09/2018**.

Quá thời hạn trên, Nhà trường sẽ ra quyết định tạm đình chỉ học tập đối với những HVCH, NCS chưa hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí.

Đóng học phí là nghĩa vụ của mỗi HVCH, NCS. Đề nghị các Anh/Chị thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định.

HVCV, NCS đóng học phí tại Phòng Kế hoạch Tài chính vào thứ Ba và thứ Sáu hằng tuần.

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ với Phòng Kế hoạch Tài chính (B004, ĐT: 028.38221907 - 115) và Phòng Sau đại học (B110, ĐT: 028.39100221 - 121) để được giải đáp.

Đề nghị các Khoa/Bộ môn có đào tạo sau đại học yêu cầu HVCH, NCS thực hiện nghiêm túc thông báo này./.

Nơi nhận:

- HVCH, NCS;
- Phòng KHTC;
- Lưu: HCTH, SDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Thanh Định

DANH SÁCH HỌC VIÊN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA 2017-2020

Khoa	Ngành	MSSV	Họ tên	Còn nợ
Nhân học		176231031004	Bùi Thị Duyên Hải	21.560.000
Triết học		176222030201	Nguyễn Đăng Thùy Diễm	7.392.000
Triết học		176222030202	Lê Ngọc Dũng	7.392.000
Triết học		176222030203	Nguyễn Chí Hiếu	7.392.000
Triết học		176222030204	Phạm Thị Thu Hương	7.392.000
Triết học		176222030205	Nguyễn Thị Thu Thủy	7.392.000
Triết học		176222030206	Nguyễn Thị Đan Thụy	7.392.000
Triết học		176222030207	Nguyễn Khắc Trung	7.392.000
Giáo dục		176214011410	Trần Thị Như Thảo	4.928.000
Giáo dục		176214011402	Võ Ngọc Hạnh	7.392.000
Giáo dục		176214011403	Bùi Thu Hằng	4.928.000
Giáo dục		176214011407	Trần Bảo Ngọc	4.928.000
Giáo dục		176214011409	Cao Văn Quang	4.928.000
Lịch sử		176222031701	Nguyễn Thị Hà	9.856.000
Văn học		176222012003	Võ Thị Thanh Tùng	14.168.000
Lịch sử		176222031101	Nguyễn Đình Chiến	5.544.000
Lịch sử		176222031306	Dương Thành Thông	4.928.000
Lịch sử		176222031301	Nguyễn Thế Hồng	12.320.000
Lịch sử		176222031304	Phạm Thị Phương	12.320.000
Lịch sử		176222031305	Nguyễn Minh Sơn	12.320.000
Lịch sử		176222031308	Lê Thị Vị	12.320.000
Lịch sử		176222031309	Mai Thanh Xuân	12.320.000
Lịch sử		176222031303	Phan Thị Lý	7.392.000
Địa lý		176285010103	Trần Duy Minh	10.472.000
Địa lý		176285010105	Trần Thị Đoàn Trinh	8.624.000
Địa lý		176285010102	Ngô Hoàng Đại Long	7.392.000
Địa lý		176285010104	Lê Hải Nguyên	9.856.000
Địa lý		176285010101	Trần Hoài Giang	11.088.000
Ngôn ngữ học		176222024003	Nguyễn Thanh Huy	7.392.000
Ngôn ngữ học		176222024001	Trần Thị Thuý An	14.784.000
Ngôn ngữ học		176222024007	Trần Thị Minh Thu	14.784.000
Ngôn ngữ học		176222024002	Bạch Thị Thu Hiền	7.392.000
Ngôn ngữ học		176222024005	Nguyễn Thanh Phong	7.392.000
Triết học		176222030102	Nguyễn Văn Bùng	12.320.000
Triết học		176222030109	Trần Thị Thủy	12.320.000
Triết học		176222030101	Phạm Phương Anh	7.392.000
Triết học		176222030103	Lê Minh Hải	7.392.000
Triết học		176222030104	Nguyễn Thành Nhân	7.392.000
Triết học		176222030105	Trần Văn Phụng	7.392.000
Triết học		176222030106	Ngô Tuấn Phương	7.392.000
Triết học		176222030107	Nguyễn Văn Thạnh	7.392.000

Khoa	Ngành	MSSV	Họ tên	Còn nợ
Triết học		176222030108	Đào Xuân Thủy	7.392.000
Triết học		176222030111	Lưu Đình Vinh	7.392.000
Triết học		176222030110	Nguyễn Thị Cẩm Tú	7.392.000
Văn hóa học		176231064001	Đặng Thị Kim Chi	4.928.000
Văn hóa học		176231064002	Nguyễn Thảo Chi	4.928.000
Văn hóa học		176231064003	Vũ Thị Duyên	4.928.000
Văn hóa học		176231064006	Lê Xuân Hậu	4.928.000
Văn hóa học		176231064007	Bùi Thị Hoa	4.928.000
Văn hóa học		176231064008	Nguyễn Thị Diễm Phương	4.928.000
Văn hóa học		176231064010	Trần Thị Bích Thủy	4.928.000
Văn hóa học		176231064011	Đoàn Nguyễn Thủy Trang	4.928.000
Văn hóa học		176231064012	Lại Thị Thu Trang	4.928.000
Văn hóa học		176231064013	Nguyễn Công Trường	4.928.000
Văn hóa học		176231064014	Ngô Hải Uyên	4.928.000
Văn hóa học		176231064005	Trương Phúc Hải	16.016.000
Văn hóa học		176231064015	Nguyễn Thị Vân	16.016.000
Văn hóa học		176231064009	Trần Thị Tuyết Sương	8.624.000
Văn hóa học		176231064004	Vũ Tiến Đức	18.480.000
Văn học		176222012101	Phạm Kim Ngân	4.928.000
Văn học		176222012102	Đỗ Thị Thanh Nhân	4.928.000
Văn học		176222012103	Trần Huỳnh Tuyết Như	4.928.000
Văn học		176222012104	Nguyễn Văn Quốc	4.928.000
Xã hội học		176231030101	Hà Thúc Dũng	7.392.000
Xã hội học		176231030102	Nguyễn Duy Hải	7.392.000
Xã hội học		176231030103	Nguyễn Thị Hồng	7.392.000
Xã hội học		176231030104	Đỗ Hồng Quân	7.392.000
Xã hội học		176231030105	Nguyễn Thị Hồng Thủy	7.392.000
Xã hội học		176231030106	Phạm Thị Thủy Trang	7.392.000
Xã hội học		176231030107	Nguyễn Thị Thanh Tùng	7.392.000

Ngày 20 tháng 08 năm 2018
Phòng Kế hoạch - Tài Chính



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 2017-2019

Khoa	Ngành	MSSV	Họ tên	Còn nợ
Lưu trữ và QTVP		176032030104	Phạm Vũ Tài	10.117.000
Lưu trữ và QTVP		176032030105	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10.117.000
Đông phương học	Châu Á học	176031060101	Phan Tuấn Ly	1.340.000
Đông phương học	Châu Á học	176031060102	Nguyễn Kim Ngân	3.685.000
Đông phương học	Châu Á học	176031060106	Hồ Thị Miên	5.025.000
Đông phương học	Châu Á học	176031060107	Lê Thị Thanh Nhân	5.025.000
Đông phương học	Châu Á học	176031060111	Nguyễn Thị Minh Tuyền	5.025.000
Công tác xã hội		176090010101	Lê Thị Báu	8.040.000
Công tác xã hội		176090010109	Phạm Quỳnh Anh	8.375.000
Địa lý		176031050101	Nguyễn Minh Đức	8.040.000
Địa lý		176031050102	Nguyễn Thị Mai Hoa	7.370.000
Giáo dục	Quản lý giáo dục	176014011423	Nguyễn Tiến Tuyền	5.695.000
Giáo dục	Quản lý giáo dục	176014011405	Nguyễn Thị Thu Hiền	5.695.000
Giáo dục	Quản lý giáo dục	176014011415	Trần Thị Thanh Tâm	5.695.000
Giáo dục	Quản lý giáo dục	176014011416	Lý Đức Thanh	5.695.000
Giáo dục	Quản lý giáo dục	176014011446	Trần Thị Lưu Vy	10.050.000
Giáo dục	Quản lý giáo dục	176014011421	Huỳnh Quốc Trung	5.695.000
Lịch sử		176022031512	Hà Thị Nguyệt	1.340.000
Lịch sử		176022031513	Võ Đình Quyết	7.035.000
Lịch sử		176022031504	Nguyễn Văn Hải	5.025.000
Lịch sử		176022031505	Nguyễn Thị Thanh Hoa	5.025.000
Lịch sử		176022031509	Nguyễn Văn Khánh	5.025.000
Lịch sử		176022031514	Nguyễn Thị Thu Sương	5.025.000
Lịch sử		176022031515	Nguyễn Hoài ân	6.365.000
Lịch sử		176022031518	Bùi Thị Hường	6.365.000
Lịch sử		176022031523	Trần Khắc Tuấn	6.365.000
Văn học	Lý luận văn học	176022012002	Nguyễn Thị Thuý Vũ	5.360.000
Văn học	Lý luận văn học	176022012003	Hoàng Bích Ngọc	6.700.000
Lịch sử		176022031101	Nguyễn Thành An	9.715.000
Lịch sử		176022031302	Phạm Nguyễn Nam Hoài	1.340.000
Lịch sử		176022031303	Hà Kim Phương	1.340.000
Lịch sử		176022031304	Huỳnh Ngọc Sơn	4.690.000
Lịch sử		176022031305	Nguyễn Thị Anh	7.370.000
Lịch sử		176022031306	Nguyễn Thị Bối Bối	7.370.000
Lịch sử		176022031307	Huỳnh Thị Huỳnh Giao	7.370.000
Lịch sử		176022031308	Nguyễn Thị Phương Thảo	7.370.000

Khoa	Ngành	MSSV	Họ tên	Còn nợ
Lịch sử		176022031309	Bùi Văn Thắng	7.370.000
Địa lý		176085010103	Đỗ Chiến	7.370.000
Địa lý		176085010104	Trần Anh Phương	7.370.000
Nhân học		176031030201	Trần Thị Kim Dung	5.025.000
Nhân học		176031030203	Võ Thiên Sa	5.025.000
Nhân học		176031030205	Tôn Thị Cẩm Hương	1.340.000
Việt Nam Học	Việt Nam học	176022011308	Trần Ngọc Thanh	1.340.000
Việt Nam Học	Việt Nam học	176022011304	Nguyễn Trương Thị Quý Lộc	5.025.000
Việt Nam Học	Việt Nam học	176022011307	Lê Anh Phấn	5.025.000
Việt Nam Học	Việt Nam học	176022011309	Dương Thị Phước Thành	5.025.000
Việt Nam Học	Việt Nam học	176022011302	Long Dian Jun	52.800.000
Việt Nam Học	Việt Nam học	176022011313	Hoàng Văn Dũng	6.700.000
Việt Nam Học	Việt Nam học	176022011315	Phạm Ngọc Hà	6.700.000
Ngôn ngữ học		176022024004	Nguyễn Hải Nguyên	9.715.000
Ngôn ngữ học		176022024016	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1.340.000
Ngôn ngữ học		176022024019	Trần Thị Phượng	1.340.000
Ngôn ngữ học		176022024014	He Zhao Lin	6.400.000
Ngôn ngữ học		176022024017	Nguyễn Thụy Nguyệt Minh	10.385.000
Ngôn ngữ học		176022024020	Nguyễn Văn Thanh Tiến	1.340.000
Ngữ văn Pháp		176022020302	Hà Nguyễn Minh Quân	3.685.000
Ngữ văn Pháp		176022020301	Trần Nhật Duy	14.405.000
Ngữ văn Pháp		176022020304	Nguyễn Đức Huy	1.340.000
Ngữ văn Pháp		176022020303	Đào Hồng Hạnh	14.405.000
Ngữ văn Nga	Ngôn ngữ Nga	176022020202	Nguyễn Lê ánh Phương	6.700.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020604	Lương Bảo Như	8.375.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020602	Phan Thị Anh Đào	9.045.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020603	Hồ Minh Đức	9.045.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020606	Tăng Gia Phong	9.045.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020608	Trương Anh Tài	4.355.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020611	Lê Quang Vinh	4.355.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020616	Nguyễn Cao Hùng	1.340.000
Quan hệ Quốc tế	Quan hệ quốc tế	176031020618	Trần Thanh Minh Thư	1.340.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011114	Đỗ Thị Nhung	1.340.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011118	Nguyễn Thị Mai Phương	1.340.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011110	Nguyễn Hồng Hà My	5.360.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011126	Nguyễn Việt Toàn	2.010.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011104	Lê Trương Thu Hằng	3.015.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011119	Phạm Minh Phương	6.030.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011138	Ngô Thanh Hiền	1.340.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011142	Nguyễn Thị Hiền Hòa	1.340.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011133	Lê Anh Dũng	8.375.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011141	Lê Quý Nhân Hòa	8.375.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011143	Đỗ Ngô Hương Huyền	8.375.000
Ngữ văn Anh	LL&PPDHTA	176014011134	Tô Minh Đạo	3.015.000
Triết học		176022030112	Nguyễn Quang Thân	4.690.000
Triết học		176022030103	Tô Mạnh Cường	7.370.000
Triết học		176022030105	Lê Thị Trường Giang	7.370.000

Khoa	Ngành	MSSV	Họ tên	Còn nợ
Triết học		176022030115	Nguyễn Thị Hồng Trang	7.370.000
Triết học		176022030119	Nguyễn Công Hối	8.040.000
Triết học		176022030120	Phạm Mạnh Hùng	8.040.000
Triết học		176022030134	Nguyễn Ngọc Trinh	8.040.000
Thư viện - TTH		176032020306	Phí Thị Lan	1.340.000
Đô thị học	Đô thị học	176058010802	Chu Huỳnh Thảo Anh	15.075.000
Đô thị học	Đô thị học	176058010804	Hoàng Linh	15.075.000
Đô thị học	Đô thị học	176058010806	Bùi Tôn Thái	15.075.000
Đô thị học	Đô thị học	176058010808	Vương Quốc Trung	15.075.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064003	Cao Phạm Diễm Hương	1.340.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064004	Nguyễn Nữ Thùy Linh	5.360.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064007	Nguyễn Thị Minh Phương	4.690.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064005	Giang Thị Kim Phụng	8.040.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064018	Trần Ngọc Hương	11.055.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064029	Nguyễn Thị Trường Sinh	11.055.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064032	Phạm Thị Mỹ Trinh	11.055.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064034	Nguyễn Minh Trí	11.055.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064017	Đỗ Quỳnh Hương	5.695.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064019	Nguyễn Hữu Khang	9.715.000
Văn hóa học	Văn hóa học	176031064035	Trần Huỳnh Minh Trí	9.715.000
Văn học		176022024501	Phan Thị Cẩm ái	1.340.000
Văn học		176022024502	Ngô Thị Kiều	1.340.000
Văn học		176022024503	Nguyễn Thị Bảo Trâm	8.040.000
Văn học		176022024505	Vũ Công Trục	5.025.000
Văn học		176022012102	Tăng Thị Hương	1.340.000
Văn học		176022012104	Nguyễn Võ Thảo Sang	2.010.000
Văn học		176022012108	Võ Minh Trung	6.030.000
Văn học		176022012105	Lương Thị Hoài Tâm	12.395.000
Văn học		176022012101	Ngô Thị Diễm	6.030.000
Văn học		176022012111	Nguyễn Thị Ngọc Sang	2.010.000
Văn học		176022012109	Nguyễn Trần Khải Duy	5.360.000
Văn học		176022012112	Lã Thị Hồng Thuần	6.030.000
Văn học		176022012113	Võ Thị Lệ Thủy	7.370.000
Xã hội học	Xã hội học	176031030107	Nguyễn Tấn Cảnh	1.340.000
Xã hội học	Xã hội học	176031030109	Phạm Ngọc ánh Hồng	2.010.000
Xã hội học	Xã hội học	176031030111	Hoàng Xuân Mạnh	11.725.000

Ngày 20 tháng 08 năm 2018
Phòng Kế hoạch - Tài Chính



DANH SÁCH HỌC VIÊN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA 2016

Ngành học	MSHV	Họ	Tên	Số tiền nợ
CNDVBC&CNDVLS	166222030204	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	18.500.000
CNDVBC&CNDVLS	166222030205	Huỳnh Thị Hồng	Thúy	18.500.000
CNDVBC&CNDVLS	166222030207	Trần Xuân	Tùng	35.250.000
CNDVBC&CNDVLS	166222030208	Nguyễn Thị	Xuân	18.500.000
DÂN TỘC HỌC	166231031001	Trần Thị Kim	Anh	18.500.000
DÂN TỘC HỌC	166231031003	Tạ Duy	Linh	18.500.000
DÂN TỘC HỌC	166231031004	Danh	Lùng	18.500.000
DÂN TỘC HỌC	166231031005	Dương Đức	Minh	35.250.000
DÂN TỘC HỌC	166231031007	Nguyễn Thị	Nhung	9.250.000
KHẢO CỔ HỌC	166222031701	Nguyễn Thị Tú	Anh	35.250.000
KHẢO CỔ HỌC	166222031702	Hà Thị	Sương	35.250.000
KHẢO CỔ HỌC	166222031703	Võ Thị Anh	Tuyết	35.250.000
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	166222031101	Trương Công Vĩnh	Khanh	18.500.000
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	166222031102	Nguyễn Vũ	Kỳ	35.250.000
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	166222031106	Nguyễn Thị Huyền	Thảo	18.500.000
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	166222031107	Lương Thanh	Thủy	18.500.000
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	166222031108	Nguyễn Hà	Trang	35.250.000
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	166222031109	Trần Đình	Tư	35.250.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031303	Hoàng Thị	Hương	18.500.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031304	Nguyễn Thị Mai	Hương	35.250.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031306	Nguyễn Trọng	Minh	35.250.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031308	Nguyễn Thành	Tâm	18.500.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031309	Tổng Thị	Tân	35.250.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031310	Bế Thị	Thắm	35.250.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031311	Phạm Mạnh	Tráng	35.250.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM	166222031312	Nguyễn Thế	Trung	35.250.000
LÝ LUẬN VĂN HỌC	166222012003	Hồ Khánh	Vân	18.500.000
NGÔN NGỮ HỌC	166222024001	Lê Văn	Dũng	35.250.000
NGÔN NGỮ HỌC SSĐC	166222024101	Phan Trần	Công	18.500.000
NGÔN NGỮ HỌC SSĐC	166222024104	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	35.250.000
QUẢN LÝ TN&MT	166285010101	Nguyễn Thu	Cúc	18.500.000
TRIẾT HỌC	166222030102	Nguyễn Quế	Diệu	18.500.000
TRIẾT HỌC	166222030105	Trần Thị	Hoa	18.500.000
TRIẾT HỌC	166222030106	Ngô Huy	Hoàng	18.500.000
TRIẾT HỌC	166222030107	Võ Thị Xuân	Hương	18.500.000
TRIẾT HỌC	166222030108	Trần Mộng	Nghi	35.250.000
TRIẾT HỌC	166222030110	Châu Văn	Ninh	18.500.000
TRIẾT HỌC	166222030112	Đinh Hồng	Phúc	9.250.000
TRIẾT HỌC	166222030113	Cù Ngọc	Phương	18.500.000
VĂN HÓA HỌC	166231064002	Trịnh Văn	Đức	35.250.000
VĂN HÓA HỌC	166231064003	Ngũ Nhị Song	Hiền	26.875.000
VĂN HÓA HỌC	166231064005	Đặng Thị	Hoa	18.500.000

VĂN HÓA HỌC	166231064008	Huỳnh Nguyễn Thùy	Trang	18.500.000
VĂN HÓA HỌC	166231064009	Văn Thị Nhã	Trúc	18.500.000
VĂN HÓA HỌC	166231064010	Trần Văn	Tứ	35.250.000
VĂN HÓA HỌC	166231064011	Phạm Ngọc	Uyên	35.250.000
VĂN HÓA HỌC	166231064012	Cao Thị Kiều	Vinh	35.250.000
VĂN HỌC VIỆT NAM	166222012101	Ngô Thị Kim	Châu	35.250.000
VĂN HỌC VIỆT NAM	166222012102	Trương Thị	Linh	18.500.000
XÃ HỘI HỌC	166231030103	Bùi Thị Minh	Hà	18.500.000
XÃ HỘI HỌC	166231030106	Nguyễn Thị Minh	Ngân	18.500.000
XÃ HỘI HỌC	166231030107	Hoàng Minh	Phú	18.500.000

Ngày 20 tháng 08 năm 2018
Phòng Kế hoạch - Tài Chính



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 2016-2018 ĐỢT 2 NĂM 2016

MSHV	HỌ	TÊN	SỐ TIỀN NỢ
Ngành: CHÂU Á HỌC			
166031060108	Nguyễn Thị Minh	Huệ	13.384.000
166031060109	Bùi Đình Lan	Hương	3.700.000
166031060110	Đặng Thị	Hường	13.384.000
166031060111	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	3.700.000
166031060112	Nguyễn Thị Út	Loan	7.400.000
166031060113	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	7.400.000
Ngành: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC			
166022030805	Nguyễn Trang	Anh	10.920.000
166022030806	Nguyễn Thị	Liên	7.400.000
166022030807	Hồ Thị Thu	Ngân	4.440.000
Ngành: CÔNG TÁC XÃ HỘI			
166090010113	Nguyễn Thị	Phượng	5.180.000
Ngành: KHOA HỌC THÔNG TIN THƯ VIỆN			
166032020302	Nguyễn Lê	Na	5.180.000
166032020303	Nguyễn Thị Kim	Thoa	11.840.000
166032020304	Lê Mai Diệu	Yến	11.840.000
Ngành: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM			
166022031515	Trần Thị Thanh	Mai	8.140.000
166022031516	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	11.840.000
166022031517	Bùi Vinh	Thiện	11.840.000
166022031518	Hoàng Văn	Thủy	11.840.000
166022031519	Lương Thị	Thương	8.140.000
166022031521	Trần Thị	Tươi	8.140.000
Ngành: LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
166022031104	Đoàn Thị Quỳnh	Dung	11.840.000
166022031105	Huỳnh Ngọc	Duy	11.840.000
166022031106	Đoàn Văn	Thanh	6.660.000
Ngành: LỊCH SỬ VIỆT NAM			
166022031306	Võ Phúc	Toàn	11.840.000
Ngành: LƯU TRỮ HỌC			
166032030106	Trần Thị	Hào	9.990.000
166032030107	Nguyễn Thị	Loan	9.990.000
Ngành: LÝ LUẬN VĂN HỌC			
166022012008	Lê Thụy Thủy Kim	Kiều	4.440.000
166022012009	Trần Thị Nhân	Thanh	10.360.000
166022012010	Lê Hồng	Vân	18.456.000
Ngành: NGÔN NGỮ HỌC			
166022024011	Nguyễn Trúc	Anh	9.620.000
166022024012	Nguyễn Thị Mỹ	Bạch	18.420.000
166022024014	Nguyễn Thị	Huệ	9.620.000
166022024015	Lê Thị Minh	Kết	18.420.000
166022024016	Huỳnh Thị Tú	Linh	18.420.000
166022024017	Nguyễn Kim	Thế	5.180.000
166022024018	Bùi Thị Diệu	Trang	5.180.000
Ngành: NHÂN HỌC			
166031030204	Nguyễn Thị Phương	Thảo	5.550.000

MSHV	HỌ	TÊN	SỐ TIỀN NỢ
Ngành: QUAN HỆ QUỐC TẾ			
166031020609	Hoàng Bảo	Ngọc	20.234.000
166031020610	Phạm Thị	Nhài	10.730.000
166031020612	Nguyễn Thanh	Phương	5.920.000
166031020614	Nguyễn Trần Thuy Thái	Thảo	10.730.000
166031020615	Hoàng	Thân	20.234.000
Ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC			
166014011419	Lưu Thị Kim	Nga	5.920.000
166014011427	Nguyễn Thị Linh	Thảo	11.416.000
166014011428	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	11.416.000
166014011429	Cù Thị Thanh	Thùy	1.056.000
166014011431	Phan Thị Lan	Tuyền	10.360.000
Ngành: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
166085010102	Nguyễn Đặng Thanh	Trúc	12.210.000
166085010103	Phạm Ngọc	Uyên	20.730.000
Ngành: TRIẾT HỌC			
166022030117	Nguyễn Văn	Bắc	12.030.000
166022030118	Tăng Tài	Đức	12.030.000
166022030120	Đoàn Thị Diệu	Hiền	18.366.000
166022030121	Nguyễn Thị Thu	Hường	12.030.000
166022030123	Võ Đức	Linh	12.030.000
166022030124	Khuru Thị Hồng	Như	18.366.000
166022030125	Lê Thị Ngọc	Nữ	12.030.000
166022030126	Nguyễn Kim	Phụng	4.440.000
166022030127	Trần Thanh	Phương	4.440.000
166022030128	Phan Thị	Phượng	12.030.000
166022030130	Bùi Thị Quỳnh	Trang	12.030.000
166022030131	Nguyễn Huyền	Trang	11.730.000
166022030132	Đỗ Thị Thanh	Tú	12.030.000
166022030134	Trần Thị Như	Yến	12.030.000
Ngành: VĂN HÓA HỌC			
166031064015	Nguyễn Thị	Dung	4.440.000
166031064016	Trương Văn	Giàu	4.440.000
166031064017	Trần Đình	Huy	4.440.000
166031064018	Nguyễn Thị	Hương	19.016.000
166031064020	Nguyễn Hữu	Nhân	7.400.000
166031064021	Nguyễn Lê Thị Anh	Như	4.440.000
166031064023	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	7.400.000
166031064025	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	7.400.000
166031064026	Đỗ Ngọc	Tuyền	4.440.000
Ngành: VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI			
166022024503	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Dao	4.440.000
Ngành: VĂN HỌC VIỆT NAM			
166022012109	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	4.440.000
166022012110	Huỳnh Quốc	Dương	9.620.000
166022012111	Phạm Thị Ái	Thủy	4.440.000
166022012112	Trương Thị	Út	18.420.000
Ngành: VIỆT NAM HỌC			
166022011308	Nguyễn Ánh	Ngọc	16.994.000
166022011310	Tô Minh	Trang	16.994.000
166022011311	Đoàn Việt	Tú	16.994.000
Ngành: XÃ HỘI HỌC			
166031030106	Phan Trác	Bình	4.440.000
166031030107	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4.440.000
166031030108	Lý Hạo	Nghi	4.440.000
166031030110	Ngô Quý	Thành	4.440.000

MSHV	HỌ	TÊN	SỐ TIỀN NỢ
166031030111	Phan Thị Hồng	Thúy	4.440.000
166031030112	Nguyễn Thị Minh	Thư	9.232.000
166031030113	Nguyễn Ngọc	Trâm	4.440.000

Ngày 20 tháng 08 năm 2018
Phòng Kế hoạch - Tài Chính



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 2016-2018 ĐỢT 1 NĂM 2016

MSHV	HỌ	TÊN	Số tiền nợ
CHÂU Á HỌC			
166031060101	Đoàn Thị Phương	Anh	18.420.000
166031060102	Trần Quang Tuấn	Anh	18.420.000
166031060103	Nguyễn Quang	Bảo	18.420.000
166031060104	Trần Anh	Thư	5.920.000
166031060105	Lý Ngọc Bảo	Trần	5.920.000
166031060106	Nguyễn Thị	Xíu	18.420.000
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC			
166022030803	Đặng Kiều	Diễm	4.440.000
166022030804	Nguyễn Thị	Hoài	4.440.000
CÔNG TÁC XÃ HỘI			
166090010106	Trần Văn	Xuân	11.642.000
ĐÔ THỊ HỌC			
166058010803	Nguyễn Tấn	Nhật	9.810.000
KHOA HỌC THÔNG TIN THƯ VIỆN			
166032020301	Hồ Thị	Triều	6.660.000
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM			
166022031501	Phạm Duy	An	5.180.000
166022031502	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	5.180.000
166022031503	Trần Thị Khánh	Liên	18.384.000
166022031504	Trần Thị Ngọc	Nữ	5.180.000
166022031505	Son Thái	Rạt	5.180.000
166022031506	Hoàng Văn	Thành	8.880.000
166022031507	Trần Thị	Thắm	5.180.000
166022031508	Trương Thị Hồng	Thắm	12.400.000
166022031510	Hà Văn	Tiến	8.880.000
166022031511	Nguyễn Thị Thu	Trang	18.384.000
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
166022031101	Đoàn Đại Lý Công	Đức	14.828.000
166022031103	Trương Ứng	Minh	18.348.000
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
166022031301	Võ Thị	Bé	8.880.000
166022031303	Lương Thị	Tôn	18.384.000
LƯU TRỮ HỌC			
166032030101	Lê Thị	Chung	9.990.000
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG ANH			
166014011101	Huỳnh Ngọc	An	9.792.000
166014011102	Nguyễn Kim Chi	An	5.920.000
166014011105	Nguyễn Đình Thiên	Bảo	20.000.000
166014011108	Đỗ Thị Mộng	Cầm	20.000.000
166014011109	Nguyễn Nhật Minh	Châu	5.920.000

MSHV	HỌ	TÊN	Số tiền nợ
166014011110	Đỗ Thị Ngọc	Diễm	9.440.000
166014011113	Nguyễn Xuân	Đạt	20.000.000
166014011116	Nguyễn Lê Song	Hào	9.440.000
166014011117	Trịnh Mỹ	Hạnh	9.792.000
166014011126	Nguyễn Văn	Kiếp	5.920.000
166014011127	Nguyễn Khánh	Linh	5.920.000
166014011130	Nguyễn Thị Thanh	Nga	20.000.000
166014011132	Trịnh Kim	Ngân	5.920.000
166014011133	Trần Thị Bích	Ngọc	20.000.000
166014011134	Nguyễn Ngọc Hạnh	Nguyên	5.920.000
166014011136	Hà Quỳnh	Như	20.000.000
166014011142	Nguyễn Thị Lệ	Quyền	3.872.000
166014011144	Phan Thị	Thảo	9.440.000
166014011147	Phạm Thị	Thu	5.920.000
166014011149	Lê Võ Kim	Tiếng	5.920.000
166014011150	Thái Danh	Toại	20.000.000
166014011151	Huỳnh Thị Bảo	Trân	9.440.000
166014011153	Huỳnh Thành	Trung	5.920.000
166014011154	Nguyễn Xuân	Tùng	5.920.000
166014011157	Đỗ Xuân	Vinh	5.920.000
166014011158	Quách Thanh	Vĩ	5.920.000
Lý luận văn học			
166022012001	Bùi Thiên	Huân	17.464.000
166022012003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	4.440.000
166022012005	Nguyễn Tiến	Phát	17.464.000
166022012006	Dương Đào Thạch	Thảo	17.464.000
166022012007	Võ Trần Thùy	Trâm	4.440.000
NGÔN NGỮ HỌC			
166022024003	Lê Thế	Hiền	9.368.000
166022024007	Huỳnh Chí	Thiện	9.368.000
166022024010	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	18.168.000
Ngôn ngữ Pháp			
166022020303	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	17.004.000
166022020305	Huyền Tôn Nữ Nguyên	Tịnh	17.004.000
166022020306	Đỗ Hồng Việt	Trình	17.004.000
NHÂN HỌC			
166031030201	Trương Hoàng Tổ	Nga	4.440.000
166031030202	Dương Thị Mỹ	Phượng	4.440.000
166031030203	Kawarai	Yushi	76.800.000
QUAN HỆ QUỐC TẾ			
166031020601	Vũ Thị Hoài	Anh	3.330.000
166031020603	Bùi Thạch Hồng	Hưng	11.660.000
156031020637	Đoàn Thuỷ Thanh	Tâm	9.996.000
QUẢN LÝ GIÁO DỤC			
166014011402	Lục Anh	Duy	17.608.000
166014011404	Đỗ Thị	Hiền	10.920.000
166014011406	Nguyễn Thị Kim	Thoa	7.400.000
166014011408	Ngô Đình	Thục	10.920.000
166014011410	Đoàn Văn Thành	Trúc	17.608.000
166014011411	Nguyễn Thị Cẩm	Uyên	3.700.000
166014011413	Đỗ Quang	Vinh	10.920.000

MSHV	HỌ	TÊN	Số tiền nợ
166014011414	Nguyễn Thị Thanh	Vinh	17.608.000
TRIẾT HỌC			
166022030102	Đinh Cát	Biển	18.168.000
166022030104	Bùi Minh	Đền	18.168.000
166022030106	Lê Thị	Hồng	4.440.000
166022030108	Lê Minh	Nhật	11.480.000
166022030114	Dương Thị Hoài	Thương	18.168.000
166022030115	Nguyễn Thị	Trang	4.440.000
VĂN HÓA HỌC			
166031064001	Phan Tuấn	Anh	18.872.000
166031064002	Nguyễn Hoàng	Dung	11.832.000
166031064003	Lê Quốc	Duy	4.440.000
166031064004	Ngô Thanh	Đây	4.440.000
166031064005	Lê Thị Ngọc	Hà	11.832.000
166031064008	Trần Thị Hồng	Phiến	11.832.000
166031064009	Lê Nguyễn Hồng Hiếu	Thảo	11.832.000
166031064010	Bùi Thị	Thủy	18.872.000
166031064011	Tổng Thị Như	Thủy	18.872.000
166031064012	Phạm Trần Phú	Vĩnh	4.440.000
VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI			
166022024501	Phan Thị Lam	Phương	4.440.000
166022024502	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	4.440.000
VĂN HỌC VIỆT NAM			
166022012107	Trương Hiếu	Nhân	18.168.000
166022012108	Trần Thị	Vân	4.440.000
Việt Nam học			
166022011303	Chu Thị Quỳnh	Giao	16.760.000
XÃ HỘI HỌC			
166031030101	Trần Văn	Chuyên	4.440.000
166031030102	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	11.308.000
166031030103	Phan Thị Minh	Phương	16.588.000
166031030104	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	8.492.000
166031030105	Nguyễn Hà	Trang	8.492.000

Ngày 20 tháng 08 năm 2018
Phòng Kế hoạch - Tài Chính

